

BỘ 10 ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ 10

CÓ ĐÁP ÁN

1. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRI PHƯƠNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019-2020

Câu 1: Theo thứ tự xa dần Mặt trời, Trái đất ở vị trí thứ:

a. 7 b. 5 c. 3 d. 2

Câu 2: Một trận bóng đá diễn ra lúc 17h30' ngày 31/12/2015 tại Anh thì lúc đó, nếu chúng ta xem truyền hình trực tiếp tại Việt Nam là mấy giờ, ngày, tháng năm nào, biết rằng Việt Nam ở múi giờ số 7:

a. 0h30' ngày 31/12/2015 b. 0h30' ngày 1/1/2016
c. 10h30' ngày 31/12/2015 d. 10h30' ngày 1/1/2016

Câu 3: Nguyên nhân nào tạo ra ngày và đêm trên Trái đất:

a. Dạng hình cầu của Trái đất
b. Trái đất chuyển động quanh Mặt trời
c. Dạng hình cầu và chuyển động tự quay quanh trục của Trái đất
d. a và b đúng

Câu 4: Cho các nhận định về sự lệch hướng chuyển động của các vật thể:

1. Do tác động của lực Coriolit nên các vật thể chuyển động trên Trái đất bị lệch hướng.
2. Bắc bán cầu lệch phải, Nam bán cầu lệch trái
3. Bắc bán cầu lệch trái, Nam bán cầu lệch phải
4. Các vĩ độ khác nhau có vận tốc dài khác nhau.

Có bao nhiêu nhận định đúng:

a. 1 b. 2 c. 3 d. 4

Câu 5: Những khu vực nào trên Trái đất có hai lần Mặt trời lên thiên đỉnh:

a. Nội chí tuyến b. Ngoại chí tuyến
c. Hai chí tuyến d. Xích đạo

Câu 6: Trục Trái đất nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc là:

a. $66^{\circ}27'$ b. $23^{\circ}27'$ c. $23^{\circ}33'$ d. $66^{\circ}33'$

Câu 7: Địa hình nào do quá trình bóc mòn tạo ra:

a. Sông suối, nấm đá b. Rãnh nông, bãi biển
c. Sông, suối, cồn cát d. Vách biển tạm thời, cồn cát

Câu 8: Khi vật liệu nhỏ, nhẹ sẽ vận chuyển theo hình thức nào:

a. Cuốn theo trọng lực b. Lăn trên mặt đất dốc
c. Lăn theo trọng lực d. Cuốn theo động năng của ngoại lực

Câu 9: Nhận định nào không đúng về tác động của ngoại lực đến bề mặt Trái đất:

a. Làm cho bề mặt đất trở nên bằng phẳng hơn b. Tạo ra những dạng địa hình nhỏ.
c. Làm cho bề mặt đất trở nên gồ ghề hơn d. Cả 3 đáp án trên.

Câu 10: Tam giác châu, các bãi bồi, bờ biển, đồng bằng châu thổ được hình thành nhờ quá trình nào:

a. Phong hoá b. Bóc mòn c. Vận chuyển d. Bồi tụ

Câu 11: Đặc điểm nào của khối khí ôn đới:

a. Rất nóng, kí hiệu T b. Rất lạnh, kí hiệu A
c. Nóng ẩm, kí hiệu E d. Lạnh, kí hiệu P

Câu 12: Trên trái đất có bao nhiêu Frông:

a. 1 b. 2 c. 3 d. 4

Câu 13: Ở 30° vĩ Bắc và Nam, tồn tại đai khí áp nào:

a. Hạ áp xích đạo b. Cao áp cận nhiệt
c. Cao áp cận cực d. Hạ áp ôn đới

Câu 14: Biên độ nhiệt năm thấp nhất ở khu vực nào theo vĩ độ:

a. Xích đạo b. Chí tuyến c. Ôn đới d. Vùng cực

Câu 15: Nếu ở chân sườn đón gió nhiệt độ là 20°C, thì ở đỉnh núi với độ cao 1500m, nhiệt độ là bao nhiêu độ C:

a. 15 b. 13 c. 11 d. 9

Câu 16: Việt Nam nằm trong khu vực nội chí tuyến nhưng không khô nóng như các nước cùng vĩ độ do:

a. Có gió Tây ôn đới và gió Mậu dịch b. Giáp biển, có gió Mậu dịch
c. $\frac{3}{4}$ địa hình nước ta là đồi núi d. Giáp biển, có gió mùa

Câu 17: Gió Tây ôn đới ở Bắc bán cầu thổi theo hướng nào và có tính chất gì:

a. Tây Bắc, khô nóng b. Tây Nam, khô nóng
c. Tây Nam, lạnh ẩm d. Tây Bắc, lạnh ẩm

Câu 18: Loại gió nào tác động đến khí hậu Việt Nam:

a. Gió mậu dịch, gió mùa b. Gió mậu dịch, gió tây ôn đới
c. Gió tây ôn đới và gió mùa d. Gió mậu dịch, gió tây ôn đới, gió mùa.

Câu 19: Loại gió nào thổi từ cao áp cận nhiệt về hạ áp xích đạo

a. Gió mùa b. Gió Fơn c. Gió Tây ôn đới d. Gió Mậu dịch

Câu 20: Vì sao nhiệt độ cao nhất lại ở chí tuyến:

a. Góc nhập xạ lớn b. Ảnh hưởng của các dãy núi
c. Ảnh hưởng của gió mùa d. Ảnh hưởng của gió Mậu dịch

Câu 21: Cho nhận định về sự thay đổi khí áp:

1. Càng lên cao khí áp càng giảm 2. Càng lên cao khí áp càng tăng
3. Nhiệt độ càng thấp khí áp càng giảm 4. Hơi nước càng nhiều khí áp càng giảm
5. Độ ẩm càng cao, khí áp càng giảm 6. Độ ẩm càng cao, khí áp càng tăng

Có bao nhiêu nhận định không đúng:

a. 2 b. 3 c. 4 d. 5

Câu 22: Vào tháng 7 ở Bắc bán cầu, gió mùa sẽ thổi theo hướng nào:

a. Từ đại dương vào lục địa b. Từ lục địa ra đại dương
c. Từ cao áp cận nhiệt về hạ áp ôn đới d. Từ cao áp cận cực về ôn đới

Câu 23: Thời gian bắt đầu và kết thúc mùa hạ ở Nam bán cầu:

a. 21/3-22/6 b. 22/6-23/9 c. 23/9-22/12 d. 22/12-21/3

Câu 24: Gió Lào (Phơn) hoạt động mạnh nhất ở vùng nào của nước ta:

a. Bắc Bộ b. Tây Nguyên c. Nam Trung Bộ d. Bắc Trung Bộ

Câu 25: Nhận định nào đúng về nguyên nhân làm cho vùng xích đạo mưa nhiều nhất:

a. Hạ áp, nhiệt độ cao, diện tích đại dương lớn. b. Áp cao, nhiệt độ cao, gió Mậu dịch

c. Hạ áp, gió Mậu dịch, lục địa lớn d. Hạ áp, nhiệt độ cao, gió Tây ôn đới

Câu 26: Nhận định nào sau đây không đúng:

- a. Lượng mưa tăng dần theo độ cao địa hình b. Gió mùa và gió Tây ôn đới mưa nhiều.
c. Vùng có khí áp thấp mưa nhiều d. Mưa nhiều ở hai vùng chí tuyến

Câu 27: Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành bởi hai khối khí nào:

- a. Cận cực và ôn đới b. Ôn đới và chí tuyến
c. Hai khối khí xích đạo hai bán cầu d. Chí tuyến và xích đạo

Câu 28: Về mùa đông ở Việt Nam, gió mùa thường mang tính chất gì:

- a. Lạnh, ẩm b. Lạnh khô c. Nóng ẩm d. Nóng khô

Câu 29: Nhận định nào không đúng về đặc điểm của gió Tây ôn đới:

- a. Bắc bán cầu hướng Tây Bắc, Nam bán cầu Tây Nam b. Tính chất ẩm, mưa nhiều
c. Từ cao áp cận nhiệt về hạ áp ôn đới d. Thổi quanh năm

Câu 30: Ngày thu phân ở Bắc bán cầu là ngày:

- a. 22/12 b. 23/9 c. 21/3 d. 22/6

Câu 31: Hệ Mặt trời gồm bao nhiêu hành tinh:

- a. 6 b. 7 c. 8 d. 9

Câu 32: Địa hình nào do quá trình bồi tụ tạo ra:

- a. Vách biển tạm thời, cồn cát b. Đồng bằng châu thổ, cồn cát
c. Sông, suối, cồn cát d. Sông suối, nấm đá

Câu 33: Nếu ở chân sườn khuất gió nhiệt độ là 20°C, thì ở đỉnh núi với độ cao 1500m, nhiệt độ là bao nhiêu độ C:

- a. 15 b. 10 c. 5 d. 9

Câu 34: Gió mùa được hình thành chủ yếu do:

- a. Sự nóng lên và lạnh đi không đều giữa biển và đất liền theo ngày đêm
b. Sự nóng lên và lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa
c. Do sự chênh lệch khí áp giữa vùng xích đạo và chí tuyến
d. Do sự chênh lệch khí áp giữa vùng chí tuyến và ôn đới.

Câu 35: Mùa theo âm dương lịch thường bắt đầu sớm hơn so với dương lịch bao nhiêu ngày:

- a. 30 b. 35 c. 40 d. 45

Câu 36: Frông ôn đới được hình thành bởi hai khối khí nào:

- a. Cận cực và ôn đới b. Ôn đới và chí tuyến
c. Hai khối khí xích đạo hai bán cầu d. Chí tuyến và xích đạo

Câu 37: Về mùa hạ ở Việt Nam, gió mùa thường mang tính chất gì:

- a. Lạnh, ẩm b. Lạnh khô c. Nóng khô d. Nóng ẩm

Câu 38: Nhận định nào không đúng về đặc điểm của gió Mậu dịch:

- a. Bắc bán cầu hướng Đông Bắc, Nam bán cầu Đông Nam b. Tính chất khô, ít mưa
c. Từ cao áp cận nhiệt về hạ áp ôn đới d. Thổi quanh năm

Câu 39: Vách biển, sông, suối, cao nguyên băng hà được hình thành nhờ quá trình nào:

- a. Phong hoá b. Bóc mòn c. Vận chuyển d. Bồi tụ

Câu 40: Đặc điểm nào của khối khí chí tuyến:

- a. Rất nóng, kí hiệu T b. Rất lạnh, kí hiệu A
c. Nóng ẩm, kí hiệu E d. Lạnh, kí hiệu P

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 1

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	B	A	C	A	A	D	C	C	D	D	D	B	A	C	A	C	A	D	A
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	A	B	D	D	D	C	B	A	B	C	B	C	B	C	B	C	C	B	A

2. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 2

TRƯỜNG THPT LÝ THÁI TỔ

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019-2020

I- Phần trắc nghiệm

Câu 1: Trong phương pháp kí hiệu, các kí hiệu biểu hiện hiện tượng, đối tượng có đặc điểm:

- A. Thể hiện cho 1 phạm vi lãnh thổ rất rộng
- B. Đặt chính xác vào vị trí mà đối tượng đó phân bố trên bản đồ
- C. Mỗi kí hiệu có thể thể hiện được 1 hay nhiều hơn các đối tượng
- D. Các kí hiệu thể hiện được 1 hay nhiều hơn các đối tượng địa lí

Câu 2: Trên bản đồ tự nhiên, các đối tượng địa lí thường được thể hiện bằng phương pháp đường chuyển động là:

- A. Hướng gió, các dãy núi,...
- B. Dòng sông, dòng biển,...
- C. Hướng gió, dòng biển,...
- D. Các thảm thực vật, động vật

Câu 3: Trên bề mặt Trái Đất nơi được Mặt Trời lên thiên đỉnh 2 lần trong năm là:

- A. Cực Bắc và cực Nam.
- B. Vùng từ chí tuyến nên cực.
- C. Vùng nằm giữa hai chí tuyến.
- D. Khắp bề mặt Trái Đất.

Câu 4: Các hành tinh trong hệ Mặt Trời tự quay quanh mình theo hướng:

- A. Cùng với hướng chuyển động quanh Mặt Trời
- B. Ngược với hướng chuyển động quanh Mặt Trời
- C. Cùng với hướng chuyển động quanh Mặt Trời, trừ Kim Tinh và Thiên Vương Tinh
- D. Ngược với hướng chuyển động quanh Mặt Trời, trừ Kim Tinh và Thiên Vương Tinh

Câu 5: Đặc điểm nào sau đây không thuộc tầng đá trầm tích:

- A. Do các vật liệu vun, nhỏ bị nén chặt tạo thành
- B. Phân bố thành một lớp liên tục
- C. Có nơi mỏng, nơi dày
- D. Là tầng nằm trên cùng trong lớp vỏ Trái Đất

Câu 6: Sự phân chia đá thành 3 nhóm (mắc ma, trầm tích, biến chất) chủ yếu dựa vào:

- A. Nguồn gốc hình thành của đá
- B. Tính chất hoá học của đá
- C. Tính chất vật lí của đá
- D. Tuổi của đá

Câu 7: Càng lên cao khí áp càng:

- A. thấp B. cao C. trung bình D. không thay đổi

Câu 8: Kiểu khí hậu nào có diện tích nhỏ nhất trên các lục địa?

- A. Kiểu khí hậu ôn đới lục địa.
- B. Kiểu khí hậu cận nhiệt gió mùa.
- C. Kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.
- D. Kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

II- Phần tự luận

Câu 1: 3 điểm

Hãy xác định khu vực nào trên Trái Đất có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh mỗi năm hai lần? Nơi nào chỉ một lần? Khu vực nào không có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh? Tại sao?

Câu 2: 1,5 điểm

Nội lực là gì? Nguyên nhân sinh ra nội lực?

Câu 3: 1,5 điểm

Nói rõ vai trò của khí quyển đối với đời sống trên Trái Đất?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 2

I- Phần trắc nghiệm (Mỗi câu trắc nghiệm tương ứng với 0,5 điểm)

Câu 1. Trong phương pháp kí hiệu, các kí hiệu biểu hiện tượng, đối tượng được đặt chính xác vào vị trí mà đối tượng đó phân bố trên bản đồ.

Chọn: B.

Câu 2. Trên bản đồ tự nhiên, các đối tượng địa lí thường được thể hiện bằng phương pháp đường chuyển động là hướng gió, các dòng biển,...

Chọn: C.

Câu 3. Trên bề mặt Trái Đất nơi được Mặt Trời lên thiên đỉnh 2 lần trong năm là trong vùng nội chí tuyến.

Chọn: C.

Câu 4. Các hành tinh trong hệ Mặt Trời tự quay quanh mình theo hướng cùng với hướng chuyển động quanh Mặt Trời, trừ Kim Tinh và Thiên Vương Tinh.

Chọn: C.

Câu 5. Đặc điểm của tầng đá trầm tích: Do các vật liệu vụn, nhỏ bị nén chặt tạo thành, phân bố thành một lớp không liên tục, có nơi mỏng nơi dày và là tầng nằm trên cùng trong lớp vỏ Trái Đất.

Chọn: B.

Câu 6. Sự phân chia đá thành 3 nhóm (mắc ma, trầm tích, biến chất) chủ yếu dựa vào nguồn gốc hình thành của các loại đá.

Chọn: A.

Câu 7. Càng lên cao không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ nên khí áp giảm (thấp).

Chọn: A.

Câu 8. Kiểu khí hậu có diện tích nhỏ nhất trên các lục địa kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải.

Chọn: C.

II- Phần tự luận

Câu 1.

* Hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh

- Khu vực có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh mỗi năm hai lần: giữa hai chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam. (0,75 điểm)

- Khu vực có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh mỗi năm một lần: chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam. (0,75 điểm)

- Khu vực không có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh: Từ ngoài hai chí tuyến về hai cực. (0,5 điểm)

* Giải thích nguyên nhân

- Trái Đất đang chuyển động xung quanh Mặt Trời với trục nghiêng (23 độ 27' với pháp tuyến của mặt phẳng quỹ đạo Trái Đất) và không đổi phương. Do đó, tia nắng vuông góc với tiếp tuyến ở một bề mặt Trái Đất sẽ lần lượt di chuyển từ 23 độ 27' N lên 23 độ 27' B. Trong vòng 1 năm, các địa điểm nội chí tuyến đều có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh. (0,5 điểm)

- Trục Trái Đất nghiêng với mặt phẳng hoàng đạo (mặt phẳng chứa quỹ đạo Trái Đất) một góc bằng 66 độ 33'. Để tạo góc 90 độ thì góc phụ phải là 23 độ 27', trong khi đó các địa điểm ở ngoài chí tuyến đều có vĩ độ lớn hơn 23 độ 27'. (0,5 điểm)

Câu 2.

- Nội lực là lực phát sinh từ bên trong Trái Đất. (0,5 điểm)

- Nguyên nhân sinh ra nội lực chủ yếu là các nguồn năng lượng ở trong lòng Trái Đất như: năng lượng của sự phân hủy các chất phóng xạ, năng lượng của các phản ứng hoá học,... (1 điểm)

Câu 3.

- Cung cấp ôxi và các loại khí cần thiết khác cho sự tồn tại, sinh trưởng và phát triển của sự sống trên Trái Đất. (0,75 điểm)

- Là lớp vỏ bảo vệ Trái Đất khỏi các tác nhân gây hại từ bức xạ của Mặt Trời. (0,75 điểm)

3. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 3

TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ THẬP

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10
NĂM HỌC 2019-2020

I- Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1: Để vẽ bản đồ vùng quanh cực người ta dùng phép chiếu:

- A. Phương vị ngang B. Phương vị đứng
C. Hình nón đứng D. Hình nón ngang

Câu 2: Khi muốn thể hiện những phần lãnh thổ nằm gần xích đạo với độ chính xác cao người ta thường dùng phép chiếu:

- A. Hình nón đứng và hình trụ đứng
B. Phương vị ngang và hình trụ đứng
C. Phương vị ngang và hình nón đứng
D. Phương vị đứng và hình trụ đứng

Câu 3: Lượng nhiệt nhận được từ Mặt Trời tại 1 điểm phụ thuộc nhiều vào:

- A. Góc nhập xạ nhận được và thời gian được chiếu sáng
B. Thời gian được chiếu sáng và vận tốc tự quay của Trái Đất
C. Vận tốc chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời
D. Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời

Câu 4: Ở bán cầu Bắc, chịu tác động của lực Coriolit, gió Nam sẽ bị lệch hướng trở thành:

- A. Gió Đông Nam (hoặc Đông Đông Nam, Nam Đông Nam).
B. Gió Tây Nam (hoặc Tây Tây Nam, Nam Tây Nam).
C. Gió Đông Bắc (hoặc Đông Đông Bắc, Bắc Đông Bắc).
D. D. Gió Tây Bắc (hoặc Tây Tây Bắc, Bắc Tây Bắc).

Câu 5: Vỏ Trái Đất chiếm khoảng 15% về thể tích và khoảng 1% trọng lượng, điều đó cho thấy:

Vỏ Trái Đất có vai trò rất quan trọng đối với thiên nhiên và đời sống con người

- B. Vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất nhẹ hơn so với các lớp bên dưới

- C. Vỏ Trái Đất cấu tạo chủ yếu bằng những vật chất cứng rắn
- D. Vỏ Trái Đất có cấu tạo đơn giản và quan trọng với sự sống trên Trái Đất

Câu 6: Đá trầm tích có nguồn gốc hình thành từ:

- A. Sự lắng tụ và nén chặt trong các miền trũng của các vật liệu vụn nhỏ như sét, cát, sỏi,... và xác sinh vật
- B. Sự nén chặt của các vận động kiến tạo đối với các vật liệu có kích thước lớn như các khối núi, các đảo,...
- C. Hoạt động của núi lửa
- D. Các hoạt động của ngoại lực

Câu 7: Biên độ nhiệt năm cao nhất thường ở vĩ độ:

- A. Xích đạo
- B. Nhiệt đới
- C. Ôn đới
- D. Hàn đới

Câu 8: Việt Nam nằm trong vùng thuộc kiểu khí hậu nào?

- A. Kiểu khí hậu cận nhiệt lục địa.
- B. Kiểu khí hậu cận nhiệt gió mùa.
- C. Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- D. Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa.

II- Phần tự luận

Câu 1: (2 điểm)

Giả sử Trái Đất không tự quay quanh trục mà chỉ chuyển động quanh Mặt Trời thì ở Trái Đất có ngày, đêm không? Nếu có, thì thời gian ban ngày và ban đêm là bao nhiêu? Khi đó, ở bề mặt Trái Đất có sự sống không? Tại sao?

Câu 2: (3 điểm)

Trình bày các vận động kiến tạo và tác động của chúng đến địa hình bề mặt Trái Đất.

Câu 3: (1 điểm)

Hãy cho biết ảnh hưởng của gió ở sườn tây khác với gió khi sang sườn đông như thế nào?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 3

I- Phần trắc nghiệm (Mỗi câu trắc nghiệm tương ứng với 0,5 điểm)

Câu 1. Để vẽ bản đồ vùng quanh cực người ta dùng phép chiếu phương vị đứng.

Chọn: B.

Câu 2. Khi muốn thể hiện những phần lãnh thổ nằm gần xích đạo với độ chính xác cao người ta thường dùng phép chiếu phương vị ngang và hình trụ đứng.

Chọn: B.

Câu 3. Lượng nhiệt nhận được từ Mặt Trời tại 1 điểm phụ thuộc nhiều vào góc nhập xạ nhận được và thời gian được chiếu sáng.

Chọn: A.

Câu 4. Ở bán cầu Bắc, chịu tác động của lực Coriolit, gió Nam sẽ bị lệch hướng trở thành gió Tây Nam (hoặc Tây Tây Nam, Nam Tây Nam).

Chọn: B.

Câu 5. Vỏ Trái Đất chiếm khoảng 15% về thể tích và khoảng 1% trọng lượng, điều đó cho thấy vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất nhẹ hơn so với các lớp bên dưới.

Chọn: B.

Câu 6. Đá trầm tích có nguồn gốc hình thành từ sự lắng tụ và nén chặt trong các miền trũng của các vật liệu vụn nhỏ như sét, cát, sỏi,... và xác sinh vật.

Chọn: A.

Câu 7. Biên độ nhiệt năm cao nhất thường ở vĩ độ hàn đới bởi hàn đới có sự chênh lệch nhiệt độ giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất là rất lớn, luôn luôn trên 30 độC.

Chọn: D.

Câu 8. Việt Nam nằm trong vùng thuộc kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Chọn: D.

II- Phân tự luận

Câu 1.

- Trái Đất vẫn có ngày và đêm. Khi đó, độ dài một ngày - đêm trên bề mặt Trái Đất sẽ dài bằng một năm. (1 điểm)

- Với thời gian ngày - đêm kéo dài như vậy, phần đang là ban ngày sẽ rất nóng, vì bị Mặt Trời đốt nóng liên tục trong nửa năm; còn phần đang là ban đêm sẽ rất lạnh, vì không được

Mặt Trời chiếu đến. Khi đó, vạn vật sẽ không thể sinh trưởng và phát triển được cho nên trên Trái Đất sẽ không thể tồn tại sự sống. (1 điểm)

Câu 2.

- Vận động theo phương thẳng đứng: Vận động của vỏ Trái Đất theo phương thẳng đứng (vận động nâng lên và hạ xuống) xảy ra rất chậm trên một diện tích lớn, làm cho bộ phận này của lục địa được nâng lên, trong khi bộ phận khác lại hạ xuống, sinh ra hiện tượng biển tiến, biển thoái. Vận động nâng lên và hạ xuống của vỏ Trái Đất hiện nay vẫn tiếp tục xảy ra. (0,75 điểm)

- Vận động theo phương nằm ngang: Vận động theo phương nằm ngang làm cho vỏ Trái Đất bị nén ép ở khu vực này và tách giãn ở khu vực kia, gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy. (0,75 điểm)

- Hiện tượng uốn nếp: Các lớp đá uốn thành nếp, nhưng tính chất liên tục của chúng không bị phá vỡ. Kết quả của hiện tượng uốn nếp là miền núi uốn nếp. (0,75 điểm)

- Hiện tượng đứt gãy: Tại những vùng đá cứng, lớp đá bị gãy, đứt ra rồi chuyển dịch ngược hướng nhau theo phương gần thẳng đứng hay nằm ngang tạo ra các hẻm vực, thung lũng. (0,75 điểm)

Câu 3.

- Sườn tây: Gió ẩm thổi tới, lên cao gặp lạnh đổ mưa, nhiệt độ giảm. (0,5 điểm)

- Sườn đông: Do gió vượt qua đỉnh núi, lại bị khô, nên khi xuống núi nhiệt độ tăng theo tiêu chuẩn không khí khô. (0,5 điểm)

4. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 4

TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019-2020

I- Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1: Cơ sở phân chia thành các loại phép chiếu: phương vị, hình nón, hình trụ là: 0,5 điểm

A. Do vị trí lãnh thổ cần thể hiện B. Do hình dạng mặt chiếu

C. Do vị trí tiếp xúc mặt chiếu D. Do đặc điểm lưới chiếu

Câu 2: Phương pháp kí hiệu không chỉ xác định vị trí của đối tượng địa lí mà còn thể hiện được: 0,5 điểm

- A. khối lượng cũng như tốc độ di chuyển của đối tượng địa lí.
- B. số lượng (quy mô), cấu trúc, chất lượng của đối tượng địa lí.
- C. giá trị tổng cộng của đối tượng địa lí.
- D. hướng di chuyển của đối tượng địa lí

Câu 3: Hệ Mặt Trời bao gồm: 0,5 điểm

- A. các Dải Ngân Hà, các hành tinh, vệ tinh, các đám bụi, khí.
- B. Mặt Trời, các thiên thể chuyển động xung quanh Mặt Trời, các đám bụi, khí.
- C. rất nhiều Thiên thể (các ngôi sao, hành tinh, vệ tinh,...) cùng với bụi khí và bức xạ điện từ.
- D. các Thiên Hà, Dải Ngân Hà, hành tinh, vệ tinh, khác đám bụi, khí.

Câu 4: Bốn địa điểm trên đất nước ta lần lượt từ Nam lên Bắc là thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Vinh, Hà Nội nơi có 2 lần Mặt Trời đi qua thiên đỉnh gần nhau nhất là: 0,5 điểm

- A. Tp. Hồ Chí Minh. B. Nha Trang. C. Vinh. D. Hà Nội

Câu 5: Theo thứ tự từ trên xuống, các tầng đá ở lớp vỏ Trái Đất lần lượt là: 0,5 điểm

- A. Tầng đá trầm tích, tầng granit, tầng badan.
- B. Tầng đá trầm tích, tầng badan, tầng granit.
- C. Tầng granit, Tầng đá trầm tích, tầng badan.
- D. Tầng badan, tầng đá trầm tích, tầng granit.

Câu 6: Biểu hiện rõ rệt nhất của sự vận động theo phương thẳng đứng ở lớp vỏ Trái Đất là: 0,5 điểm

- A. Độ cao của các đỉnh núi tăng lên
- B. Thay đổi mực nước đại dương ở nhiều nơi
- C. Diện tích của đồng bằng tăng lên
- D. Các hiện tượng động đất, núi lửa hoạt động mạnh

Câu 7: FA được gọi là Frond: 0,5 điểm

- A. Frond địa cực B. Frond ôn đới C. Frond nội tuyến D. Frond xích đạo

Câu 8: Kiểu khí hậu địa trung hải có đặc điểm nổi bật so với các kiểu khí hậu khác là: 0,5 điểm

- A. Nhiệt độ trung bình năm cao nhất.
- B. Lượng mưa trung bình năm nhỏ nhất.
- C. Biên độ nhiệt độ giữa các tháng trong năm cao nhất.
- D. Mưa tập trung vào mùa đông.

II- Phần tự luận

Câu 1: (3 điểm).

Vũ trụ là gì? Hệ Mặt Trời là gì? Em có những hiểu biết gì về Trái Đất trong Hệ Mặt Trời?

Câu 2: (3 điểm).

Ngoại lực là gì? Vì sao nguồn năng lượng chủ yếu sinh ra ngoại lực là nguồn năng lượng của bức xạ Mặt Trời?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 4

I- Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1. Cơ sở để phân chia thành các loại phép chiếu: phương vị, hình nón, hình trụ là do hình dạng mặt chiếu.

Chọn: B.

Câu 2. Phương pháp kí hiệu không chỉ xác định vị trí của đối tượng địa lí mà còn thể hiện được số lượng (quy mô), cấu trúc, chất lượng hoặc động lực phát triển của đối tượng địa lí.

Chọn: B.

Câu 3. Hệ Mặt Trời bao gồm Mặt Trời, các thiên thể (đó là các hành tinh, tiểu hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch) chuyển động xung quanh Mặt Trời và các đám bụi, khí.

Chọn: B.

Câu 4. Bốn địa điểm trên đất nước ta lần lượt từ Nam lên Bắc là thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Vinh, Hà Nội nơi có 2 lần Mặt Trời đi qua thiên đỉnh gần nhau nhất là Hà Nội. Hà Nội là địa điểm gần chí tuyến Bắc nhất nên thời gian Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh gần nhau nhất.

Chọn: D.

Câu 5. Theo thứ tự từ trên xuống, các tầng đá ở lớp vỏ Trái Đất lần lượt là tầng đá trầm tích, tầng granit và cuối cùng là tầng badan.

Chọn: A.

Câu 6. Biểu hiện rõ rệt nhất của sự vận động theo phương thẳng đứng (nâng lên hoặc hạ xuống) ở lớp vỏ Trái Đất là thay đổi mực nước đại dương ở nhiều nơi.

Chọn: B.

Câu 7. FA được gọi là Frond địa cực.

Chọn: A.

Câu 8. Kiểu khí hậu địa trung hải có đặc điểm nổi bật so với các kiểu khí hậu khác là mưa tập trung vào mùa đông.

Chọn: D.

II- Phần tự luận

Câu 1.

- Vũ Trụ là khoảng không gian vô tận chứa các Thiên hà. Thiên hà là một tập hợp các thiên thể, khí, bụi và bức xạ điện từ. Thiên hà chứa Mặt Trời và các hành tinh của nó được gọi là Dải Ngân Hà. (1 điểm)

- Hệ Mặt Trời là một tập hợp các thiên thể nằm trong Dải Ngân Hà. Hệ Mặt Trời gồm có Mặt Trời nằm ở trung tâm và các thiên thể quay xung quanh (đó là các hành tinh, tiểu hành tinh, vệ tinh, sao chổi, thiên thạch) và các đám bụi khí. Hệ Mặt Trời có tám hành tinh: Thủy tinh, Kim tinh, Trái Đất, Hoả tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên Vương tinh, Hải Vương tinh. (1 điểm)

- Trái Đất là một hành tinh trong Hệ Mặt Trời. Khoảng cách trung bình từ Trái Đất đến Mặt Trời là 149.6 triệu km. Khoảng cách đó cùng với sự tự quay làm cho Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống có thể phát sinh, phát triển. Trái Đất vừa tự quay quanh trục, vừa chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời. (1 điểm)

Câu 2.

- **Ngoại lực:**

+ Ngoại lực là lực có nguồn gốc ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất. (0,5 điểm)

+ Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là nguồn năng lượng của bức xạ Mặt Trời. (0,5 điểm)

+ Ngoại lực gồm tác động của các yếu tố khí hậu (nhiệt độ, gió, mưa,...), các dạng nước (nước chảy, nước ngầm, băng hà, sóng biển...), sinh vật (động, thực vật) và con người. (0,5 điểm)

+ Ngoại lực có tác động rất lớn trong quá trình làm biến đổi địa hình. (0,5 điểm)

- **Giải thích:** Nói nguồn năng lượng chủ yếu sinh ra ngoại lực là nguồn năng lượng của bức xạ Mặt Trời vì dưới tác dụng nhiệt của bức xạ Mặt Trời, đá trên bề mặt thạch quyển bị phá hủy và năng lượng của các tác nhân ngoại lực (nước chảy, gió, băng tuyết,...) trực tiếp hay gián tiếp đều có liên quan đến bức xạ Mặt Trời. (1 điểm)

5. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 5

TRƯỜNG THPT CAO THẮNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019-2020

I- Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1: Để thể hiện các mỏ than trên lãnh thổ nước ta người ta dùng phương pháp: 0,5 điểm

- A. Kí hiệu đường chuyển động B. Bản đồ - biểu đồ
C. Kí hiệu D. Chấm điểm

Câu 2: Nguyên nhân cơ bản khiến chúng ta phải sử dụng nhiều phép chiếu đồ khác nhau là: 0,5 điểm

- A. Do bề mặt Trái Đất cong B. Do yêu cầu sử dụng khác nhau
C. Do vị trí lãnh thổ cần thể hiện D. Do hình dáng lãnh thổ

Câu 3: Sự luân phiên ngày, đêm là hệ quả của chuyển động: 0,5 điểm

- A. Tự quay quanh trục của Trái Đất
B. Xung quanh Mặt Trời của Trái Đất
C. Xung quanh các hành tinh khác của Trái Đất
D. Tịnh tiến của Trái Đất

Câu 4: Do tác động của lực Côriôlit nên bán cầu Bắc các vật chuyển động từ cực về xích đạo sẽ bị lệch hướng: 0,5 điểm

- A. Về phía bên phải theo hướng chuyển động

- B. Về phía bên trái theo hướng chuyển động
- C. Về phía bên trên theo hướng chuyển động
- D. Về phía xích đạo

Câu 5: Nhiệt độ của nước càng cao thì sức hòa tan của nước càng: 0,5 điểm

- A. không thay đổi
- B. mạnh
- C. yếu
- D. trung bình

Câu 6: Quá trình mài mòn có đặc điểm là: 0,5 điểm

- A. Làm thay đổi thành phần và tính chất hoá học của đá và khoáng vật
- B. Là quá trình diễn ra với tốc độ nhanh, nhất là trên bề mặt Trái Đất
- C. Là quá trình diễn ra với tốc độ chậm, chủ yếu trên bề mặt đất
- D. Dưới tác động của mài mòn, các vật liệu được vận chuyển đi rất xa khỏi vị trí ban đầu

Câu 7: Lớp Ôzôn có tác dụng: 0,5 điểm

- A. Phản hồi sóng vô tuyến điện, bảo vệ Trái Đất
- B. Hút tia cực tím của mặt trời, bảo vệ thế giới hữu cơ trên mặt đất.
- C. Chống các tác nhân phá hoại từ vũ trụ, bảo vệ về mặt đất
- D. Bảo vệ Trái Đất và sự sống cho con người

Câu 8: Dải hội tụ nhiệt đới hình thành từ 2 khối khí: 0,5 điểm

- A. Chí tuyến hải dương và chí tuyến lục địa
- B. Chí tuyến hải dương và xích đạo
- C. Bắc xích đạo và Nam xích đạo
- D. Chí tuyến lục địa và xích đạo

II- Phần tự luận

Câu 1: (4 điểm).

Hãy trình bày các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

Câu 2: (2 điểm).

Sự khác nhau giữa phong hóa lí học, phong hóa hóa học và phong hóa sinh học?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 5**I- Phần trắc nghiệm** (Mỗi câu trắc nghiệm tương ứng với 0,5 điểm)

Câu 1. Để thể hiện các mỏ than trên lãnh thổ nước ta người ta thường dùng phương pháp kí hiệu.

Chọn: C.

Câu 2. Nguyên nhân cơ bản khiến chúng ta phải sử dụng nhiều phép chiếu đồ khác nhau là do yêu cầu sử dụng khác nhau.

Chọn: B.

Câu 3. Trái Đất chuyển động tự quay quanh trục của mình sinh ra các hệ quả, đó là sự luân phiên ngày – đêm, giờ Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế, sự lệch hướng chuyển động của các vật thể.

Chọn: A.

Câu 4. Do tác động của lực Côriôlit nên bán cầu Bắc các vật chuyển động từ cực về xích đạo sẽ bị lệch hướng về phía bên phải theo hướng chuyển động.

Chọn: B.

Câu 5. Nước có tác dụng hòa tan nhiều loại đá và khoáng vật, nhiệt độ của nước càng cao thì sức hòa tan của nước càng mạnh.

Chọn: B.

Câu 6. Quá trình mài mòn có đặc điểm là quá trình diễn ra với tốc độ chậm, chủ yếu trên bề mặt đất với một số nguyên nhân như: Nước chảy tràn trên sườn dốc, sự mài mòn của sóng biển và sự chuyển động của băng hà.

Chọn: C.

Câu 7. Lớp Ôzôn có tác dụng hút tia cực tím của mặt trời, bảo vệ thể giới hữu cơ trên mặt đất.

Chọn: B.

Câu 8. Dải hội tụ nhiệt đới hình thành từ 2 khối khí, đó là Bắc xích đạo và Nam xích đạo.

Chọn: C.

II- Phần tự luận

Câu 1.

- Sự luân phiên ngày đêm: do khối cầu và vận động tự quay của Trái Đất, nên mọi nơi trên bề mặt Trái Đất đều lần lượt ở trước Mặt Trời rồi lại khuất sau Mặt Trời, gây nên hiện tượng luân phiên ngày - đêm. (1 điểm)
- Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế.
- + Giờ địa phương (giờ mặt trời): Trái Đất có hình khối cầu và tự quay quanh trục từ tây sang đông nên cùng một thời điểm, người đứng ở các kinh tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở các độ cao khác nhau, do đó các địa điểm thuộc các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau, đó là giờ địa phương (hay giờ mặt trời). (0,75 điểm)
- + Giờ múi: Trái Đất được chia làm 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15 độ kinh tuyến. Giờ múi được lấy theo kinh tuyến đi qua giữa múi đó. Giờ múi số 0 được lấy làm giờ quốc tế (hay giờ GMT). Việt Nam thuộc múi giờ số 7. (0,5 điểm)
- + Đường chuyển ngày quốc tế: theo cách tính giờ múi, trên Trái Đất lúc nào cũng có một múi giờ mà ở đó có hai ngày lịch khác nhau, do vậy một kinh tuyến được lấy làm mốc để đổi ngày. Kinh tuyến 180 độ qua giữa múi giờ số 12 ở Thái Bình Dương được chọn làm đường chuyển ngày quốc tế. (0,75 điểm)
- Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể: khi Trái Đất tự quay quanh liên tục, mọi địa điểm thuộc ở các vĩ độ khác nhau ở bề mặt Trái Đất (trừ hai cực đều có vận tốc dài khác nhau và hướng chuyển động từ tây sang đông. Do vậy, các vật thể chuyển động trên bề mặt Trái Đất sẽ bị lệch hướng so với hướng ban đầu (vì phải giữ nguyên chuyển động thẳng hướng theo quán tính). Lực làm lệch hướng đó được gọi là lực Côriôlit. Ở bán cầu Bắc, vật chuyển động bị lệch về bên phải theo hướng chuyển động, ở bán cầu Nam bị lệch về bên trái. (1 điểm)

Câu 2.

- Phong hóa lí học chỉ làm đá vỡ vụn mà không làm biến đổi về màu sắc, thành phần khoáng vật và hóa học của chúng. (0,75 điểm)
- Phong hóa hóa học làm cho đá bị biến đổi cả thành phần hóa học và khoáng vật. (0,5 điểm)
- Phong hóa sinh học làm cho đá và khoáng vật vừa bị phá hủy về mặt cơ giới, vừa bị phá hủy về mặt hóa học. (0,75 điểm)

6. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 6

TRƯỜNG THPT HAI BÀ TRƯNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019-2020

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Câu 1: Hãy tính giờ và ngày ở Việt Nam, biết rằng ở thời điểm đó, giờ GMT đang là 24 giờ ngày 31-12

- A. 6 giờ ngày 31-12. B. 7 giờ ngày 31-12. C. 7 giờ ngày 01-01. D. 8 giờ ngày 01-01.

Câu 2: Tổng lượng nhiệt bức xạ Mặt Trời đến Trái Đất được bề mặt Trái Đất hấp thụ bao nhiêu %?

- A. 19 %. B. 47 %. C. 4 %. D. 30 %.

Câu 3: Phạm vi hoạt động của gió Mậu dịch là

- A. áp cao cực về áp thấp xích đạo. B. áp cao cực về áp thấp ôn đới.
C. áp cao cận chí tuyến về áp thấp ôn đới. D. áp cao cận chí tuyến về áp thấp xích đạo.

Câu 4: Nhận định nào sau đây không đúng với gió fơn?

- A. Gió fơn ở Việt Nam gọi là gió Lào. B. Là loại gió biến tính khi qua núi.
C. Tính chất khô và rất nóng. D. Tính chất ẩm và mang nhiều mưa.

Câu 5: Phát biểu đúng nhất về khái niệm vận động theo phương nằm ngang là

- A. vận động làm cho các lớp đá bị uốn lại thành nếp.
B. những vận động nâng lên, hạ xuống của vỏ Trái Đất.
C. làm cho vỏ Trái Đất bị nén ép ở khu vực này, tách giãn ở khu vực kia.
D. vận động làm cho đá bị gãy, đứt ra rồi dịch chuyển ngược hướng nhau.

Câu 6: Tại sao giữa 2 khối khí chí tuyến và xích đạo không tạo thành frông thường xuyên và rõ nét?

- A. Bởi chúng đều nóng và có hướng gió khác nhau.
B. Bởi chúng khác nhau về nhiệt độ và có cùng một chế độ gió.
C. Bởi chúng đều nóng và nói chung có cùng một chế độ gió.
D. Bởi chúng đều lạnh và có cùng một chế độ gió.

Câu 7: Người ta quy định đường chuyển ngày quốc tế ở đâu?

- A. Kinh tuyến 180° qua giữa múi giờ 12 ở Đại Tây Dương.
B. Kinh tuyến 160° qua giữa múi giờ 12 ở Thái Bình Dương.
C. Kinh tuyến 180° qua giữa múi giờ 12 ở Thái Bình Dương.
D. Kinh tuyến 160° qua giữa múi giờ 12 ở Đại Tây Dương.

Câu 8: Hướng hoạt động của gió Tây ôn đới là

- A. tây bắc ở bán cầu Bắc, tây nam ở bán cầu Nam.
B. đông nam ở bán cầu Bắc, đông bắc ở bán cầu Nam.
C. tây nam ở bán cầu Bắc, tây bắc ở bán cầu Nam.

D. đông bắc ở bán cầu Bắc, đông nam ở bán cầu Nam.

Câu 9: Khoảng cách trung bình từ Trái Đất đến Mặt Trời là bao nhiêu?

- A. 149,6 triệu km. B. 164,9 triệu km. C. 194,6 triệu km. D. 146,9 triệu km.

Câu 10: Nhận xét đúng về sự hoạt động của gió đất là

- A. gió đất hình thành ở vùng ven biển, hoạt động vào ban ngày.
B. gió đất hình thành ở vùng ven biển, gió thổi từ áp cao biển vào áp thấp đất liền.
C. gió đất hình thành ở vùng ven biển, gió thổi từ áp cao đất liền ra áp thấp biển.
D. gió đất hoạt động vào ban ngày, gió thổi từ đất liền ra biển.

Câu 11: Vận động kiến tạo theo phương thẳng đứng dẫn đến kết quả gì?

- A. Tạo ra hẻm vực và thung lũng. B. Hiện tượng uốn nếp và đứt gãy.
C. Nếp uốn và miền núi uốn nếp. D. Hiện tượng biển tiến và biển thoái.

Câu 12: Cho biết khu vực ngoại chí tuyến trên Trái Đất có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh mấy lần trong năm?

- A. không lần nào. B. 3 lần trong năm. C. 1 lần trong năm. D. 2 lần trong năm.

Câu 13: Thời gian ban ngày ngắn nhất, thời gian ban đêm dài nhất trong năm ở bán cầu Bắc là ngày mấy?

- A. Ngày 23-9. B. Ngày 21-3. C. Ngày 22-6. D. Ngày 22-12.

Câu 14: Phát biểu nào không đúng về sự hoạt động của gió biển?

- A. Gió biển hình thành ở vùng ven biển, hoạt động vào ban ngày.
B. Gió biển hoạt động vào ban ngày, gió thổi từ biển vào đất liền.
C. Gió biển hình thành ở vùng ven biển, gió thổi từ áp cao đất liền ra áp thấp biển.
D. Gió biển hình thành ở vùng ven biển, gió thổi từ áp cao biển vào áp thấp đất liền.

Câu 15: Ở Việt Nam có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh mấy lần trong năm?

- A. không lần nào. B. 3 lần trong năm. C. 2 lần trong năm. D. 1 lần trong năm.

Câu 16: Frông ôn đới là mặt ngăn cách giữa hai khối khí nào sau đây?

- A. Khối khí cực và ôn đới. B. Khối khí xích đạo và ôn đới.
C. Khối khí chí tuyến và xích đạo. D. Khối khí ôn đới và chí tuyến.

II. PHẦN TỰ LUẬN VÀ BÀI TẬP (6,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Trình bày những nguyên nhân làm thay đổi khí áp.

Câu 2: (2,0 điểm)

Phân biệt: Nội lực và ngoại lực.

Câu 3: (2,0 điểm)

Bảng 11. SỰ THAY ĐỔI NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM VÀ BIÊN ĐỘ NHIỆT ĐỘ NĂM THEO VĨ ĐỘ Ở BÁN CẦU BẮC

Vĩ độ	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Biên độ nhiệt độ năm (°C)
0°	24,5	1,8
20°	25,0	7,4
30°	20,4	13,3
40°	14,0	17,7
50°	5,4	23,8
60°	- 0,6	29,0
...

Dựa vào kiến thức đã học và quan sát bảng 11, hãy nhận xét và giải thích:

- Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ.
- Sự thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 6

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	C	B	D	D	C	C	C	C	A	C	D	A	D	C	C	D

Phần đáp án câu tự luận:

Câu 1: (2,0 điểm)

Nguyên nhân thay đổi khí áp:

- Khí áp thay đổi theo độ cao: càng lên cao không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ, do đó khí áp giảm.
- Khí áp thay đổi theo nhiệt độ:
 - + Nhiệt độ tăng không khí nở ra, tỉ trọng giảm đi khí áp giảm.
 - + Nhiệt độ giảm không khí co lại, tỉ trọng tăng khí áp tăng.

- Khí áp thay đổi theo độ ẩm: không khí chứa nhiều hơi nước, khí áp giảm.

Câu 2: (2,0 điểm)

Nội lực:

- KN: là lực phát sinh từ bên trong lòng đất.

- Nguyên nhân: là nguồn năng lượng bên trong lòng đất như nguồn năng lượng của sự phân hủy của các chất phóng xạ, năng lượng sự dịch chuyển của các dòng vật chất theo quy luật của trọng lực, năng lượng phản ứng hóa học.

- Tác động của nội lực lên địa hình bề mặt Trái Đất thông qua vận động kiến tạo.

Ngoại lực:

- KN: là lực phát sinh từ bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất.

- Nguyên nhân: chủ yếu là nguồn năng lượng bức xạ Mặt trời ngoài ra còn có các tác nhân như: Các yếu tố khí hậu, các dạng nước chảy, sinh vật và con người.

- Tác động của ngoại lực lên địa hình bề mặt Trái Đất thông qua các quá trình ngoại lực.

Câu 3: (2,0 điểm)

Dựa vào kiến thức đã học và quan sát bảng 11, hãy nhận xét và giải thích:

- Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ:

Từ xích đạo về cực nhiệt độ trung bình năm giảm. Do góc chiếu sáng của Mặt Trời (góc nhập xạ) càng nhỏ.

- Sự thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ:

Từ xích đạo về cực biên độ nhiệt độ tăng. Do góc nhập xạ giảm, nên nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất đều giảm nhưng nhiệt độ thấp nhất giảm nhiều hơn.

7. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 7

TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019-2020

Câu 1: (3,0 điểm)

a. Nếu trục Trái Đất vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo thì có sự thay đổi mùa như hiện nay không? Vì sao?

b. Thế nào là giờ múi? Nêu cơ sở để phân chia các múi giờ trên Trái Đất. Khi Hà Nội là 8h30' ngày 25/10/2015 thì Bắc Kinh (múi số 8), Oasinton (múi số 19) là mấy giờ ngày bao nhiêu?

Câu 2: (4,0 điểm)

- a. Khái niệm khí quyển. Vai trò của khí quyển đối với sự sống trên Trái Đất.
- b. So sánh 3 quá trình: Phong hóa lý học, phong hóa hóa học và phong hóa sinh học

Câu 3: (3,0 điểm) Cho bảng số liệu:

Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 1990 - 2005

(Đơn vị: %)

Năm	Nông - lâm - ngư nghiệp	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
1990	38,7	22,7	38,6
2005	21,0	41,0	38,0

- a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế nước ta qua giai đoạn trên.
- b. Nhận xét.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 7

Câu 1:

a. - Nếu trục Trái Đất vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo thì không có sự thay đổi mùa như hiện nay.

- Giải thích: Vì khi đó góc nhập xạ tại các địa điểm trên cùng một vĩ tuyến không thay đổi, do đó sẽ không có sự thay đổi về thời tiết và khí hậu nên không có sự thay đổi mùa.

b. - Bề mặt Trái Đất được chia thành 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15 độ kinh tuyến. Các địa phương nằm trong cùng một múi sẽ thống nhất một giờ, đó là giờ múi.

- Cơ sở để phân chia các múi giờ: Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục từ tây sang đông ngược chiều kim đồng hồ, thời gian quay quanh trục một vòng là 24 giờ, đó là cơ sở để phân chia các múi giờ trên Trái Đất.

- Khi Hà Nội là 8h30' ngày 25/10/2015 thì:

+ Bắc Kinh là 9h30' cùng ngày

+ Oasinton là 20h30' ngày 24/10/2015.

Câu 2:

a. Khí quyển

- Là lớp không khí bao quanh Trái Đất luôn chịu ảnh hưởng của Vũ Trụ, trước hết là Mặt Trời.

- Thành phần khí quyển: Khí nitơ 78,1%; ôxi 20,43%, hơi nước và các khí khác 1,47%

- Vai trò:

+ Cung cấp oxi và các khí cần thiết khác cho sự sống

+ Là nơi diễn ra các hiện tượng thời tiết, khí hậu, tuần hoàn nước.

+ Bảo vệ sinh vật, con người trên Trái Đất (tầng ôzôn ngăn cản bớt tia tử ngoại)

- + Khuếch tán tia sáng Mặt trời nên có bình minh và hoàng hôn
- + Truyền âm thanh, phản hồi sóng vô tuyến điện
- + Điều hòa khí hậu

b. So sánh

- Giống nhau: Đều là quá trình phong hóa, đều phá hủy đá và khoáng vật.

Đều là các quá trình ngoại lực.

- Khác nhau

Quá trình phong hóa	Tác nhân	Kết quả
Phong hóa lý học	+ Sự thay đổi nhiệt độ. + Sự đóng băng của nước. + Tác động của con người	Đá nứt vỡ thành các mảnh vụn to nhỏ khác nhau. Không thay đổi thành phần, tính chất
Phong hóa hóa học	Tác động của chất khí, nước, các chất khoáng chất hòa tan trong nước..	Đá và khoáng vật bị phá hủy, biến đổi thành phần, tính chất hoá học
Phong hóa sinh học	sinh học Sự lớn lên của rễ cây, sự bài tiết các chất, vi khuẩn...	+ Đá bị phá hủy về mặt cơ giới. + Bị phá hủy về mặt hóa học

Câu 3:

a. Vẽ biểu đồ: Biểu đồ 2 hình tròn

Yêu cầu: Chính xác, đẹp, đầy đủ thông tin (thiếu mỗi ý - 0,25 điểm)

b. Nhận xét: Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế nước ta có sự chuyển dịch:

Tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm, tỉ trọng công nghiệp xây dựng tăng, tỉ trọng dịch vụ tương đối ổn định (dẫn chứng)

8. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 8

TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019-2020

Câu 1. (3,0 điểm)

Thế nào là hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh? Dựa vào kiến thức đã học: hãy cho biết khu vực nào trên Trái Đất có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh hai lần trong năm, nơi nào chỉ có một lần. Khu vực nào không có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh?

Câu 2. (4,0 điểm)

Cho một vài ví dụ chứng minh hoạt động kinh tế của con người có tác phá hủy đá.

Câu 3. (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

SỰ THAY ĐỔI NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM VÀ BIÊN ĐỘ NHIỆT ĐỘ NĂM THEO VĨ ĐỘ Ở BÁN CẦU BẮC

Vĩ độ	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Biên độ nhiệt độ năm (°C)
0°	24,5	1,8
20°	25,0	7,4
30°	20,4	13,3
40°	14,0	17,7
50°	5,4	23,8
60°	- 0,6	29,0
70°	- 10,4	32,2
....

Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học hãy nhận xét và giải thích:

- Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ.
- Sự thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 8

Câu 1:

Hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh

- Hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh là hiện tượng Mặt Trời đứng đỉnh đầu lúc 12 giờ trưa (tia sáng mặt trời chiếu thẳng góc với tiếp tuyến bề mặt đất)
- Khu vực có hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh hai lần trong năm là khu vực nội chí tuyến.
- Nơi có 1 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm là tại hai chí tuyến.
- Khu vực không có là vùng ngoại chí tuyến.

Câu 2:

Thông qua hoạt động kinh tế của con người có tác động làm phá hủy đá:

- Ví dụ con người làm ruộng bậc thang.
- Khai thác tài nguyên khoáng sản: khai thác đá, khai thác than, khai thác quặng sắt.

Câu 3:

* *Nhận xét:* thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ

- Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao (*dẫn chứng số liệu*)

* *Giải thích:*

- Ở xích đạo có góc nhập xạ lớn nên nhiệt độ trung bình năm cao, càng về hai cực góc nhập xạ càng giảm dần nên nhiệt độ trung bình năm giảm dần.

* *Nhận xét:* Biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ

- Biên độ nhiệt độ năm tăng dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao (*dẫn chứng*)

* *Giải thích:*

- Tại xích đạo do chênh lệch góc nhập xạ giữa hai mùa nhỏ nên ít có sự chênh lệch nhiệt độ giữa hai mùa do đó biên độ nhiệt năm nhỏ.

- Càng về hai cực chênh lệch góc nhập xạ giữa hai mùa lớn nên có sự chênh lệch nhiệt độ giữa hai mùa trong năm lớn do đó có biên độ nhiệt độ năm lớn.

9. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 9

TRƯỜNG THPT LÊ VĂN TÁM

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019-2020

I- Trắc nghiệm

Câu 1: Vùng ven biển gần các dòng biển lạnh sẽ chịu ảnh hưởng gây ra: 1 điểm

- A. Độ ẩm cao, mưa nhiều B. Khô hạn, ít mưa
C. Mưa trung bình D. Độ ẩm thấp, mưa nhiều

Câu 2: Sông chảy theo hướng nam - bắc qua ba miền khí hậu khác nhau:

- A. Sông Công Gô B. Sông Amazôn C. Sông Nin D. Sông Vonga

Câu 3: Các hồ hình thành từ các vết nứt trên vỏ Trái Đất thường có hình dạng: 1 điểm

- A. Hình tròn B. Hình móng ngựa C. Hình bán nguyệt D. Kéo dài

Câu 4: Ở địa hình bằng phẳng các tầng đất thường: 1 điểm

- A. Dày, nhiều chất dinh dưỡng B. Mỏng, ít chất dinh dưỡng
C. Dày, ít chất dinh dưỡng D. Mỏng, nhiều chất dinh dưỡng

Câu 5: Ở vùng núi cao, nhiệt độ thấp nên: 1 điểm

- A. Quá trình phá hủy đá xảy ra chậm, làm cho quá trình hình thành đất yếu
B. Quá trình phá hủy đá xảy ra nhanh, lớp đất phủ dày
C. Quá trình phá hủy đá không diễn ra được, không có lớp đất phủ lên bề mặt
D. Đá bị phá hủy rất nhanh, lớp đất phủ trên bề mặt rất dày

Câu 6: Sự phân bố các đới khí hậu, các nhóm đất trên Trái Đất biểu hiện của quy luật: 1 điểm

- A. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh B. Quy luật phi địa đới
C. Quy luật nhịp điệu D. Quy luật địa đới

Câu 7: Lớp vỏ địa lí (lớp vỏ cảnh quan) bao gồm: 1 điểm

- A. Toàn bộ vỏ Trái Đất B. Vỏ Trái Đất và khí quyển bên trên
C. Toàn bộ các địa quyển D. Các lớp vỏ bộ phận xâm nhập và tác động lẫn nhau

Câu 8: Những yếu tố KT - XH kìm hãm sự phát triển nông nghiệp của các nước thuộc địa trước đây: 1 điểm

- A. Quan hệ chiếm hữu ruộng đất. B. Nguồn nhân lực thiếu kỹ thuật.
C. Thiếu thị trường tiêu thụ. D. Chính sách của nhà cầm quyền

Câu 9: Các động vật hoang dã được thuần dưỡng, chăm sóc và chọn giống được gọi là: 1 điểm

- A. Vật nuôi. B. Động vật trong nhà.
C. Động vật hoang dã. D. Động vật thuần chủng.

Câu 10: Nguồn vốn, thị trường, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lí từ các nước khác ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội của một nước, được gọi là: 1 điểm

- A. Nguồn lực tự nhiên B. Nguồn lực tự nhiên – xã hội
C. Nguồn lực từ bên trong D. Nguồn lực từ bên ngoài

II- Phần tự luận

Câu 1: (1 điểm).

Hãy trình bày các hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

Câu 2: (1 điểm).

Nêu khái niệm về lớp vỏ địa lý (lớp vỏ cảnh quan). Phân biệt lớp vỏ Trái Đất với lớp vỏ địa lí (về chiều dày, thành phần vật chất....)?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 9

Câu 1: 1 điểm

Vùng ven biển gần các dòng biển lạnh thường có thời tiết khô hạn và rất ít mưa.

Chọn: B.

Câu 2: 1 điểm

Sông Nin là sông dài nhất thế giới, chảy theo hướng nam - bắc qua ba miền khí hậu khác nhau.

Chọn: C.

Câu 3: 1 điểm

Các hồ hình thành từ các vết nứt trên vỏ Trái Đất thường có hình dạng kéo dài.

Chọn: D.

Câu 4: 1 điểm

Ở địa hình bằng phẳng các tầng đất thường rất dày và nhiều chất dinh dưỡng

Chọn: A.

Câu 5: 1 điểm

Ở vùng núi cao, nhiệt độ thấp nên quá trình phá hủy đá xảy ra chậm, làm cho quá trình hình thành đất yếu.

Chọn: A.

Câu 6: 1 điểm

Sự phân bố các vành đai nhiệt trên Trái Đất, các đai gió (gió Mậu dịch, gió Tây ôn đới, gió Đông cực) và các đai khí áp, các đới khí hậu trên Trái Đất, các nhóm đất và các kiểu thảm thực vật là biểu hiện của quy luật địa đới.

Chọn: D.

Câu 7: 1 điểm

Lớp vỏ địa lí (lớp vỏ cảnh quan) bao gồm các lớp vỏ bộ phận xâm nhập và tác động lẫn nhau.

Chọn: D.

Câu 8: 1 điểm

Những yếu tố KT - XH kìm hãm sự phát triển nông nghiệp của các nước thuộc địa trước đây là quan hệ chiếm hữu ruộng đất.

Chọn: A.

Câu 9: 1 điểm

Các động vật hoang dã được thuần dưỡng, chăm sóc và chọn giống được gọi là vật nuôi.

Chọn: A.

Câu 10: 1 điểm

Nguồn vốn, thị trường, khoa học và công nghệ, kinh nghiệm quản lí từ các nước khác ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế - xã hội của một nước, được gọi là nguồn lực từ bên trong.

Chọn: C.

II- Phân tự luận

Câu 1 (1 điểm).

- Sự luân phiên ngày, đêm: Vì Trái Đất hình khối cầu và Trái Đất tự quay quanh trục nên tất cả mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt luân phiên ngày đêm. (0,25 điểm)
- Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế: (0,5 điểm)
 - + Trái Đất hình cầu và tự quay từ tây sang đông nên mỗi nơi sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở các độ cao khác nhau, mỗi địa điểm sẽ có giờ khác nha
 - + Người ta chia bề mặt Trái Đất thành 24 múi giờ, mỗi múi rộng 15 kinh tuyến, giờ múi số 0 được lấy làm giờ quốc tế (GMT), Việt Nam thuộc múi giờ số 7.
 - + Người ta quy định lấy kinh tuyến 1800 qua giữa múi giờ số 12 làm đường chuyển ngày quốc tế, đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 1800 thì lùi lại một ngày lịch.
- Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể: khi Trái Đất quay quanh trục thì mọi vật di chuyển trên bề mặt có sự lệch hướng so với hướng chuyển động ban đầu. Ở bán cầu Bắc vật chuyển động bị lệch về bên phải, ở bán cầu Nam vật chuyển động bị lệch về bên trái. (0,25 điểm)

10. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 môn Địa lí 10 – Số 10

TRƯỜNG THPT PHAN ĐĂNG LƯU

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 10

NĂM HỌC 2019-2020

Câu 1: Trong phép chiếu phương vị đứng mặt chiếu tiếp xúc với địa cầu ở vị trí: 0,5 điểm

- A. Cực B. Vòng cực C. Chí tuyến D. Xích đạo

Câu 2: Phương pháp thể hiện được số lượng, cấu trúc, chất lượng và động lực phát triển của đối tượng,... là phương pháp: 0,5 điểm

- A. Phương pháp kí hiệu
B. Phương pháp kí hiệu đường chuyển động
C. Phương pháp chấm điểm
D. Phương pháp bản đồ - biểu đồ

Câu 3: Hệ Mặt Trời có các đặc điểm nào dưới đây: 0,5 điểm

- A. Mặt Trời chuyển động xung quanh các thiên thể khác trong hệ và chiếu sáng cho chúng.
- B. Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời và các thiên thể khác trong hệ.
- C. Mặt Trời ở trung tâm Trái Đất và các thiên thể khác chuyển động xung quanh.
- D. Trái Đất ở trung tâm Mặt Trời và các thiên thể khác chuyển động xung quanh.

Câu 4: Ở bán cầu Nam, ngày nào có sự chênh lệch thời gian ban ngày và thời gian ban đêm lớn nhất trong năm? 0,5 điểm

- A. Ngày 21 – 3.
- B. Ngày 22 – 6.
- C. Ngày 23 – 9.
- D. Ngày 22 – 12.

Câu 5: Trong quá trình di chuyển các mảng kiến tạo: 0,5 điểm

- A. Tách rời nhau
- B. Xô vào nhau
- C. Hút chồm lên nhau
- D. Không thể rời xa nhau

Câu 6: Hiện tượng mài mòn do sóng biển thường tạo nên các dạng địa hình như: 0,5 điểm

- A. Hàm ếch sóng vỗ, nền cổ... ở bờ biển
- B. Hàm ếch sóng vỗ, nền mài mòn... ở bờ biển
- C. Các cửa sông và các đồng bằng châu thổ
- D. Vịnh biển có dạng hàm ếch

Câu 7: Frond nội tuyến được nằm giữa 2 khối khí: 0,5 điểm

- A. ôn đới - chí tuyến
- B. Chí tuyến - xích đạo
- C. Ôn đới - hàn đới
- D. Xích đạo – ôn đới

Câu 8: Bức xạ mặt trời trong quá trình tới bề mặt Trái Đất được phân chia thành nhiều bộ phận chiếm tỉ lệ lớn nhất là bộ phận: 0,5 điểm

- A. tới khí quyển số lại phản hồi và không gian.
- B. được bề mặt Trái Đất hấp thụ.
- C. được khí quyển hấp thụ
- D. tới bề mặt Trái Đất rồi lại phản hồi và không gian.

Câu 9: Ở vùng núi, nơi nào mưa nhiều hơn: 0,5 điểm

- A. Sườn đón gió
- B. Sườn khuất gió
- C. Chân núi
- D. Đỉnh núi

Câu 10: Trên các lục địa, ở vĩ tuyến 30 vĩ Bắc từ Đông sang Tây lượng mưa phân bố 0,5 điểm

A. Tăng dần B. Giảm dần C. Không giảm D. Khó xác định

Câu 11: Vùng có nhiệt độ thấp thường phân bố những loại thực vật: 0,5 điểm

A. Xương rồng, cây lá rộng B. Cây lá kim, đồng cỏ xanva

C. Cây bụi thấp, lá kim D. Cây lá cứng, cây lá rộng

Câu 12: Khí hậu cận nhiệt địa trung hải có kiểu thảm thực vật chính nào? 0,5 điểm

A. Thảo nguyên. B. Rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.

C. Hoang mạc và bán hoang mạc. D. Rừng nhiệt đới ẩm.

Câu 13: Quy luật địa ô, đai cao là biểu hiện của quy luật nào? 0,5 điểm

A. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh B. Quy luật địa đới

C. Quy luật nhịp điệu D. Quy luật phi địa đới

Câu 14: Qui luật địa đới là: 0,5 điểm

A. Sự thay đổi của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo vĩ độ

B. Sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và các cảnh quan địa lí theo vĩ độ

C. Sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo kinh độ

D. Sự thay đổi của khí hậu, sinh vật, đất đai theo vĩ độ và theo đai cao

Câu 15: Chứng tộc Môngôlôit phân bố chủ yếu ở châu lục: 0,5 điểm

A. Châu Á và châu Mĩ B. Châu Mĩ và châu Đại Dương

C. Châu Á và Châu Đại Dương D. Châu Mĩ và châu Âu

Câu 16: Các yếu tố không có tác động đến tỉ suất sinh là: 0,5 điểm

A. Tự nhiên – sinh học

B. Phong tục tập quán, tâm lí xã hội

C. Sự phát triển kinh tế-xã hội, chính sách

D. Các thiên tai tự nhiên (động đất, núi lửa,...)

Câu 17: Nhóm dân số dưới tuổi lao động được xác định trong khoảng: 0,5 điểm

A. 0 – 14 tuổi B. 0 – 15 tuổi C. 0 – 16 tuổi D. 0 – 17 tuổi

Câu 18: Nhóm nước dân số trẻ có tỉ lệ nhóm tuổi 0 – 14 tương ứng là: 0,5 điểm

A. Trên 25% B. Trên 35% C. Trên 30% D. Trên 32 %

Câu 19: Mặt phẳng chiều đồ thường có dạng hình học là:0,5 điểm

- A. Hình nón B. Hình trụ C. Mặt phẳng D. Mặt nghiêng

Câu 20: Cơ sở để phân chia mỗi phép chiếu thành 3 loại: đứng, ngang, nghiêng là:0,5 điểm

- A. Do vị trí tiếp xúc của mặt chiếu với địa cầu
B. Do hình dạng mặt chiếu
C. Do vị trí lãnh thổ cần thể hiện
D. Do đặc điểm lưới chiếu

Câu 21: Phép chiếu phương vị sử dụng mặt chiếu đồ là:0,5 điểm

- A. Hình nón B. Mặt phẳng C. Hình trụ D. Hình lục lăng

Câu 22: Nếu xếp theo thứ tự khoảng cách xa dần Mặt Trời ta sẽ có:0,5 điểm

- A. Kim Tinh, Trái Đất, Thủy Tinh, Hoả Tinh
B. Kim Tinh, Thủy Tinh, Hoả Tinh, Trái Đất
C. Thủy Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh
D. Kim Tinh, Thủy Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh

Câu 23: Bề mặt Trái Đất được chia ra làm: 0,5 điểm

- A. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 150 kinh tuyến.
B. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 150 kinh tuyến.
C. 12 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 300 kinh tuyến.
D. 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 300 kinh tuyến.

Câu 24: Khí hậu nhiệt đới gió mùa có nhóm đất chính nào?: 0,5 điểm

- A. Đất nâu và xám B. Đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm
C. Đất đỏ, nâu đỏ D. Đất đỏ vàng (feralit)

Câu 25: Nhận định nào dưới đây là chưa chính xác:0,5 điểm

- A. Tầng badan không nằm trong giới hạn của lớp vỏ địa lý
B. Giới hạn trên của lớp vỏ địa lý là giới hạn trên của tầng bình lưu
C. Lớp vỏ địa lý ở lục địa không bao gồm tất cả các lớp của vỏ lục địa

D. Trong lớp vỏ địa lí, các quyển có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau

Câu 26: Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại dương là: 0,5 điểm

- A. Đáy thềm lục địa B. Độ sâu khoảng 5000m
C. Độ sâu khoảng 8000m D. Vực thẳm đại dương

Câu 27: Động lực phát triển dân số thế giới là: 0,5 điểm

- A. Sự gia tăng tự nhiên B. Sự sinh đẻ và di cư
C. Sự gia tăng cơ học D. Sự gia tăng dân số

Câu 28: Đặc điểm chung của kết cấu theo giới trên thế giới hiện nay là: 0,5 điểm

- A. Lúc mới sinh nam thường nhiều hơn nữ, ở tuổi già nữ thường nhiều hơn nam
B. Nam nhiều hơn nữ lúc mới sinh, lúc ở tuổi bình thường và cả khi về già
C. Lúc mới sinh nam thường nhiều hơn nữ, ở tuổi già nữ thường nhiều hơn nam
D. Lúc mới sinh nữ thường nhiều hơn nam, ở tuổi già nam thường nhiều hơn nữ

Câu 29: Kiểu tháp tuổi mở rộng, biểu hiện cho một dân số: 0,5 điểm

- A. Tăng nhanh B. Tăng chậm C. Không tăng D. Giảm xuống

Câu 30: Nhân tố nào sau đây là căn cứ để phân loại nguồn lực: 0,5 điểm

- A. Vai trò B. Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ
C. Mức độ ảnh hưởng D. Thời gian

Câu 31: Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực được phân thành: 0,5 điểm

- A. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
B. Điều kiện tự nhiên, dân cư và kinh tế
C. Vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội
D. Điều kiện tự nhiên, nhân văn, hỗn hợp

Câu 32: Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên được coi là nhân tố: 0,5 điểm

- A. Cần thiết cho quá trình sản xuất
B. Quyết định tới việc sử dụng các nguồn lực khác
C. Tạo khả năng ban đầu cho các hoạt động sản xuất
D. Ít ảnh hưởng tới quá trình sản xuất

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT – SỐ 10**Câu 1.**

Trong phép chiếu phương vị đứng mặt chiếu tiếp xúc với địa cầu ở vị trí cực.

Chọn: A.

Câu 2.

Phương pháp thể hiện được số lượng, cấu trúc, chất lượng và động lực phát triển của đối tượng,... là phương pháp kí hiệu.

Chọn: A.

Câu 3.

Mặt Trời ở trung tâm Trái Đất và các thiên thể khác chuyển động xung quanh. Mặt Trời có khả năng tự phát sáng còn các thiên thể khác không thể tự phát sáng mà chỉ có thể phản chiếu ánh sáng hoặc hấp thụ ánh sáng của Mặt Trời.

Chọn: C.

Câu 4.

Ở bán cầu Nam, vào ngày 22/12 có sự chênh lệch thời gian ban ngày và thời gian ban đêm lớn nhất trong năm. Vào ngày 22 – 12 Mặt Trời lên thiên đỉnh ở chí tuyến Nam nên tất cả các địa điểm ở bán cầu Nam đều có ngày dài nhất trong năm.

Chọn: D.

Câu 5.

Trong quá trình di chuyển các mảng kiến tạo có thể tách rời nhau, xô vào nhau hoặc hút chồm lên nhau.

Chọn: D.

Câu 6.

Hiện tượng mài mòn do sóng biển thường tạo nên các dạng địa hình như: Hàm ếch sóng vỗ, nền mài mòn,... ở bờ biển.

Chọn: B.

Câu 7.

Fronđ nội tuyến được nằm giữ 2 khối khí chí tuyến và khối khí xích đạo.

Chọn: B.

Câu 8.

Bức xạ mặt trời trong quá trình tới bề mặt Trái Đất được phân chia thành nhiều bộ phận chiếm tỉ lệ lớn nhất là bộ phận được bề mặt Trái Đất hấp thụ.

Chọn: B.

Câu 9.

Ở vùng núi, sườn đón gió là nơi luôn có lượng mưa lớn nhất.

Chọn: A.

Câu 10.

Trên các lục địa, ở vĩ tuyến 30 vĩ Bắc từ Đông sang Tây lượng mưa phân bố giảm dần.

Chọn: B.

Câu 11.

Vùng có nhiệt độ thấp thường phân bố những loại thực vật cây bụi thấp và các loại cây lá kim.

Chọn: C.

Câu 12.

Khí hậu cận nhiệt địa trung hải có kiểu thảm thực vật chính là rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.

Chọn: B.

Câu 13.

Quy luật địa ô, đai cao là biểu hiện của quy luật phi địa đới.

Chọn: D.

Câu 14.

Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của các thành phần địa lí và các cảnh quan địa lí theo vĩ độ.

Chọn: B.

Câu 15.

Chủng tộc Mônggôlôit phân bố chủ yếu ở châu Á và châu Mỹ.

Chọn: A.

Câu 16.

Các yếu tố quan trọng nhất tác động đến tỉ suất sinh là Tự nhiên – sinh học, phong tục tập quán, tâm lí xã hội và sự phát triển kinh tế-xã hội, chính sách.

Chọn: D.

Câu 17.

Nhóm dân số dưới tuổi lao động được xác định trong khoảng từ 0 – 14 tuổi.

Chọn: A.

Câu 18.

Nhóm nước dân số trẻ có tỉ lệ nhóm tuổi 0 – 14 tương ứng là trên 35% (tham khảo thêm bảng trong SGK trang 90).

Chọn: B.

Câu 19.

Mặt phẳng chiều đồ thường có dạng hình học là hình nón, hình trụ và mặt phẳng.

Chọn: D.

Câu 20.

Cơ sở để phân chia mỗi phép chiếu thành 3 loại: đứng, ngang, nghiêng là do vị trí tiếp xúc của mặt chiếu với địa cầu.

Chọn: A.

Câu 21.

Phép chiếu phương vị sử dụng mặt chiếu đồ là mặt phẳng.

Chọn: B.

Câu 22.

Nếu xếp theo thứ tự khoảng cách xa dần Mặt Trời ta sẽ có Thủy Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hỏa Tinh.

Chọn: C.

Câu 23.

Bề mặt Trái Đất được chia ra làm 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 150 kinh tuyến.

Chọn: B.

Câu 24.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa có nhóm đất chính là đất đỏ vàng (feralit).

Chọn: D.

Câu 25.

Nhận định chưa chính xác là giới hạn trên của lớp vỏ địa lí không phải là giới hạn trên của tầng bình lưu mà là giới hạn dưới của lớp ôdôn trong khí quyển.

Chọn: B.

Câu 26.

Giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở lục địa là giới hạn dưới của lớp vỏ phong hoá còn giới hạn dưới của lớp vỏ địa lí ở đại dương là vực thẳm đại dương.

Chọn: D.

Câu 27.

Động lực phát triển dân số thế giới là sự gia tăng dân số tự nhiên. Gia tăng dân số tự nhiên là mức độ gia tăng dân số trong một quốc gia tự sinh ra (tỷ suất sinh thô và mất đi (tỷ suất tử thô)).

Chọn: A.

Câu 28.

Đặc điểm chung của kết cấu theo giới trên thế giới hiện nay là lúc mới sinh nam thường nhiều hơn nữ, ở tuổi trưởng thành nam nữ gần ngang nhau và khi ở tuổi già nữ thường nhiều hơn nam.

Chọn: A.

Câu 29.

Kiểu tháp tuổi mở rộng có đáy tháp rộng, đỉnh tháp nhọn, các cạnh thoai thoải thể hiện tỉ suất sinh cao, trẻ em đông, tuổi thọ trung bình thấp, dân số tăng nhanh.

Chọn: A.

Câu 30.

Nhân tố căn cứ để phân loại nguồn lực là nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ.

Chọn: B.

Câu 31.

Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực được phân thành vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Chọn: C.

Câu 32.

Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên được coi là nhân tố cần thiết cho quá trình sản xuất.

Chọn: A.